

Số: 16/BC-DTNT

Thuận Bắc, ngày 10 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Giám sát chế độ chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022;

Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2022 -2023, trường PTDTNT THCS Thuận Bắc có báo cáo chế độ chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022 cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung của đơn vị

1. Số lớp - Số học sinh:

Tổng số 08 lớp. Tổng số học sinh đầu năm học 2022-2023 chỉ tiêu giao 274 học sinh; Trong đó: Khối 6: 02 lớp – 70 học sinh; Khối 7: 02 lớp – 69 học sinh; Khối 8: 02 lớp - 68 học sinh; Khối 9: 02 lớp - 66 học sinh.

Kết thúc học kỳ I có 01 học sinh chuyển trường; 02 học sinh bỏ học (01 bỏ học trong hè).

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên: Hiện tại có 27 người, trong đó CBQL 03 người, giáo viên trực tiếp giảng dạy 16 người, nhân viên hành chính 08 người; (02 bảo vệ hợp đồng khoán việc).

II. Công tác lãnh chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách pháp luật tại nhà trường.

1. Việc ban hành các văn bản.

Trên cơ sở các văn bản của các cấp triển khai các chế độ chính sách pháp luật của đội ngũ nhà trường cùng học sinh, nhà trường đã tham mưu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ triển khai và thực hiện tốt các chế độ chính sách đội ngũ, học sinh đối với trường chuyên biệt theo quy định của các cấp từ trung ương đến các địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản có liên quan.

Dựa trên các văn bản, thông tư, Nghị định được ban hành, tổ chức thực hiện, nhà trường đã triển khai đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh qua

nhiều hình thức như niêm yết công khai, thông tin trên trang zalo, trao đổi, đối thoại trực tiếp, để dễ tiếp cận tìm hiểu nắm bắt, thực hiện đảm bảo các chế độ theo quy định.

3. Công tác xây dựng và triển khai các kế hoạch giáo dục của nhà trường, công tác thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục ngay từ đầu năm, các kế hoạch thông qua trong hội nghị công nhân viên chức, các hoạt động giáo dục của trường dựa trên cơ sở của hỉ đạo của Sở GD-ĐT Ninh Thuận, Phòng GD-ĐT Thuận Bắc. Nhà trường tổ chức hoạt động theo thông tư 01/2016/TT-BGD-ĐT ngày 15/01/2016. Thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC và một số văn bản luật khác.

Hàng năm nhà trường được các cấp thanh kiểm tra các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, thanh tra về các chế độ chính sách, thanh tra các chuyên đề bảo hiểm xã hội, trường chuẩn Quốc gia, sử dụng thiết bị dạy học nhà trường được các cấp thanh kiểm tra , kết quả đạt tốt chưa có các hiện tượng bất thường xảy ra,

Thi đua khen thưởng hàng năm thực hiện theo quy trình hướng dẫn của cấp trên, kiểm tra đánh giá của Cụm thi đua, của Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT kết quả tốt.

Hàng năm nhà trường không có cán bộ, giáo viên và học sinh vi phạm pháp luật, không có đơn thư khiếu nại tố cáo, tất cả chấp hành tốt các nhiệm vụ, chủ trương của đơn vị đề ra.

4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch.

Công tác quy hoạch được nhà trường triển khai đúng quy trình, hướng dẫn của các cấp, đảm bảo công khai minh bạch, rõ ràng có báo cáo lên cấp quản lý. Hàng năm từ năm học 2018-2019 đến nay trường đảm bảo số lượng 08 lớp cho 04 khối lớp của cấp THCS, nhà trường đảm bảo số lượng ở lại lưu trú có 30 phòng ở nội trú với 150 giường tầng đảm bảo cho hơn 270 học sinh ăn ở nội trú, trang thiết bị đồ dùng sinh hoạt học tập phù hợp với thực tế của đơn vị.

5. Công tác xã hội hóa.

Công tác xã hội hóa được quan tâm, nhà trường được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đầu tư cơ sở 03 phòng học bộ môn, bê tông sân chơi do PGD làm chủ đầu tư, vì địa phương còn nhiều khó khăn, nên công tác xã hội hóa chưa phát huy.

III. Kết quả thực hiện:

1. Đối với trường PTDTNT THCS Thuận Bắc:

Số lớp học từ năm 2018-2022: 08 lớp với khối 6 là 02 lớp, khối 7: 02 lớp, khối 8: 02 lớp, khối 9: 02 lớp.

2. Công tác tuyển sinh:

Số học sinh tuyển sinh đầu cấp lớp 6 hàng năm: 70/70 học sinh đạt 100%, hoàn thành tốt nghiệp THCS 100%.

Từ năm học 2018 đến nay công tác huy động ra lớp đạt tỷ lệ cao cụ thể

Năm học 2018-2019: đạt 99,4%.

Năm học 2019-2020: đạt 97,8%

Năm học 2020-2021: đạt tỷ lệ 98%.

Năm học 2021-2022: đạt tỷ lệ 99,6%.

Năm học 2022-2023 đạt tỷ lệ 99,2%.

Tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100% hàng năm.

Học sinh sau tốt nghiệp THCS hơn 50% các em tham gia vào học trường PTDTNT Tỉnh và còn lại đăng ký vào trường THPT Phan Bội Châu, một số em tham gia lao động tự do.

3. Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên:

Đội ngũ biên chế được giao là 27 trong đó CBQL là 03 người, giáo viên 16, còn thiếu 01 người so với quy định biên chế được giao, nhân viên 07 người đảm bảo theo biên chế. Tuy nhiên theo vị trí việc làm thông tư 16/2017/TT-BGD-ĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 thiếu 02 giáo viên, 02 nhân viên. *(kèm theo phụ lục 2)*

100% Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn về trình độ; có 01 cán bộ quản lý đang học nâng chuẩn (trên chuẩn) và 01 giáo viên đang tham gia học trung cấp lý luận chính trị. Từ năm 2018 đến nay có 02 giáo viên đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị, 03 giáo viên đã học lớp quản lý giáo dục.

Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, năm sau cao hơn năm trước về học sinh kể cả đội ngũ nhà trường. Hàng năm nhà trường có học sinh đạt giải cấp tỉnh phong trào mũi nhọn như học sinh giỏi (năm học 2020-2021 có 01 học sinh, năm học 2021-2022 có 02 học sinh), giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen của UBND tỉnh, Bằng khen của Bộ GD-ĐT. Trong đó từ năm học 2018-2019 đến 2021-2022 nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đạt Tập thể lao động xuất sắc .

Chất lượng giáo dục hai mặt của học sinh từ năm học 2018-2019 đến 2021-2022 (có biểu mẫu kèm theo phụ lục 1).

4. Cơ sở vật chất trang thiết bị:

Cơ sở vật chất đảm bảo trong phòng học có 08 phòng, phòng làm việc 10 phòng, phòng học bộ môn 06 phòng trong đó có phòng tin học, tiếng anh, Âm Nhạc, Mỹ thuật, thí nghiệm thực hành hóa sinh, thí nghiệm thực hành Lý công nghệ, có 01 nhà Đa năng để các em tham gia sinh hoạt tập thể, thể dục tập luyện,

01 nhà ăn gồm bếp nấu có đầy đủ tủ hấp cơm, các thiết bị nấu, chứa thức ăn đảm bảo bằng inox và phòng ăn có 30 bộ bàn tròn inox, 300 ghế nhựa, 10 quạt treo tường và khu sinh hoạt nội trú cho học sinh các hạng mục kiên cố, các thiết bị dạy học được bổ sung, mua sắm hàng năm để học sinh vui chơi, học tập như bóng đá, bóng chuyền, cờ vua, lưới. Học sinh học ngày 2 buổi từ thứ hai đến sáng thứ sáu hàng tuần, thứ bảy dành cho các hoạt động tập thể và các hoạt động chuyên môn vào chiều thứ sáu. Thiết bị được cấp về với 55 bộ máy vi tính cho 04 lớp học với 138 học sinh khối 6,7 chương trình GDPT 2018. Các thiết bị dạy học được cấp về như sách giáo khoa hàng năm 80 bộ sách, đồ dùng dạy học cho các khối 6,7,8,9 tuy nhiên một số đã cấp lâu năm hư hỏng nhà trường đưa vào danh mục thanh lý, một số tận dụng lại để giảng dạy các môn chương trình GDPT 2018 cho khối 6,7. Tuy nhiên hiện nay còn thiếu thiết bị dạy học tivi thông minh 08 phòng học, hiện trường chỉ có 04 ti vi cho 03 phòng học bộ môn, 01 phòng học thông thường. *(kèm theo phụ lục 4)*

5. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng tháng 11/2022.

6. Lựa chọn sách giáo khoa khối lớp 6,7:

Việc lựa chọn sách giáo khoa, sách tham khảo, học liệu của đơn vị được thực hiện hàng năm bắt đầu từ năm học 2020-2021 cho đến nay cơ bản giáo viên luôn chủ động tích cực lựa chọn phù hợp với tình hình hiện nay của nhà trường, phù hợp với học sinh nhà trường lựa chọn sách chân trời sáng tạo là chính, chỉ có một vài môn chọn sách khác. *(kèm theo phụ lục 5)*

7. Công tác biên soạn và in ấn tài liệu: đơn vị không thực hiện.

8. Chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình:

Qua triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 với sự chủ động chọn lựa sách giáo khoa theo tình hình thực tế của đơn vị tạo điều kiện thuận lợi trong việc chủ động sáng tạo hơn cho đội ngũ giáo viên, phát huy hiệu quả trong giảng dạy, tuy nhiên chương trình có lúc còn rất nặng so với năng lực của học sinh dân tộc, đội ngũ đảm bảo về trình độ, được tập huấn chương trình GDPT 2018 nhưng vẫn còn lúng túng khi thực hiện giảng dạy, còn nhiều khó khăn.

9. Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc, 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng công nghệ thông tin trong mỗi vị trí việc làm và giảng dạy tạo thuận lợi cho các hoạt động trong nhà trường, kết nối và xử lý thông tin nhanh. Chuyển đổi số được thực hiện mạnh mẽ trong từng vị trí việc làm. Hiện nay nhà trường đang sử dụng các phần mềm trong quản lý, dạy học như Smask, Misa, Quản lý giáo dục (bộ), Quản lý giáo dục Ninh Thuận, trộn đề, Thiết kế bài giảng giáo án điện tử, thư viện, thiết bị, quản lý tài

sản, Zalo, Office 365, tuyển sinh....Qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số quản lý trên phần mềm cho thấy hiệu quả công việc đạt kết quả cao.

10. Công tác triển khai thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh:

Nhà trường tổ chức hoạt động theo thông tư 01/2016/TT-BGD-ĐT ngày 15/01/2016. Thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 29/5/2009, chế độ giáo viên thực hiện theo quy định về chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp đối với trường chuyên biệt và nghị định 161, Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 1/12/2019, tất cả các chế độ của học sinh và giáo viên thực hiện nghiêm túc.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật giáo dục về giáo dục, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục:

Nhiều năm liền nhà trường được các cấp, các ngành thanh kiểm tra hàng năm về kế hoạch giáo dục, tài chính, các chuyên đề của các cấp, cơ bản trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Trong các năm qua từ năm 2018 đến 2022 không có khiếu nại tố cáo trong nhà trường, công tác thi đua khen thưởng được triển khai minh bạch, rõ ràng kết quả hàng năm luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đơn vị. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh vi phạm pháp luật

IV. Đánh giá chung:

1. Kết quả đạt được:

Nhìn chung việc thực hiện chế độ chính sách pháp luật cho đội ngũ nhà trường và học sinh cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ đối với học sinh thực hiện chế độ học bổng theo thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 29/5/2009, trường hoạt động theo thông tư 01/2016/TT-BGD-ĐT ngày 15/01/2016 và thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017, hoàn thành các kế hoạch giáo dục của nhà trường xuất sắc từ năm 2018 đến 2022, trường luôn đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, học sinh đạt nhiều kết quả cao trong học tập và rèn luyện, phân luôn học sinh sau tốt nghiệp THCS khá tốt, tuyển sinh đầu cấp luôn đạt 100%. Đội ngũ nhà trường luôn đoàn kết chia sẻ công việc hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ giao. Hàng năm nhà trường luôn đón các đoàn thanh kiểm tra chế độ chính sách, pháp luật, chuyên đề đảm bảo thực hiện tốt.

Kết quả giáo dục của nhà trường từ năm học 2018-2019 đến 2021-2022
(kèm theo biểu mẫu)

2. Khó khăn, hạn chế:

Chế độ chính sách vẫn chưa đảm bảo cho đội ngũ phục vụ (bảo vệ, cấp dưỡng) vì là trường chuyên biệt nên đội ngũ phục vụ nấu ăn bảo vệ rất cần nhưng khi cấp ngân sách không được cấp để chi trả.

So với vị trí việc làm thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 và biên chế hiện giao nhà trường còn thiếu nhiều vị trí rất cần cho trường chuyên biệt.

Công tác xã hội hóa vẫn chưa thực hiện tốt, nhiều khó khăn.

Phân luồng sau khi tốt nghiệp THCS khá tốt, tuy nhiên một số các em sau tốt nghiệp chưa theo học nghề, gia đình ít quan tâm nên chưa phát huy quá trình đào tạo các em tại trường để phát triển lên.

Chất lượng đào tạo khá tốt nhưng học sinh vẫn lười học, còn ủy lạo, còn bỏ học trong hè đối với các em lớp 8,9, vẫn còn học sinh yếu, học sinh vi phạm nội quy của nhà trường.

Đội ngũ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, tuy nhiên vẫn còn vài vị trí việc làm chưa chủ động sáng tạo trong công việc.

Cơ sở vật chất nhìn chung đảm bảo, xong vẫn chưa thật đầy đủ theo chuẩn cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn quốc gia thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020.

Thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 29/5/2009 áp dụng thực tế tại trường chuyên biệt hiện nay còn nhiều bất cập, chưa sửa đổi, như chưa chú trọng hỗ trợ cơ sở vật chất khu nội trú cho học sinh, mua sắm các vật dụng.....

1. Nguyên nhân:

Chế độ chính sách nhà trường được cấp theo biên chế được giao nên chỉ đảm bảo lương, chế độ chính sách cho đội ngũ biên chế, còn lương cho đội ngũ phục vụ nhà trường phải tiết kiệm chi khác để đảm bảo cho đội ngũ phục vụ.

Là trường chuyên biệt học sinh ở lại tại chỗ 24/24h, công tác quản lý xuyên suốt, cần phải có các vị trí nhân viên để chăm sóc, quản lý học sinh.

Sau tốt nghiệp trung học cơ sở, nhà trường cho các em tư vấn nghề tại trường cao đẳng nghề Ninh Thuận giúp cho các em định hướng nghề nghiệp, nhưng một phần các gia đình muốn các em sau tốt nghiệp thi vào trường DTNT Tỉnh đi học tiếp cho đỡ chi phí, nếu không đậu thì đi làm để có tiền trang trải cuộc sống, một số em thích đua đòi mua sắm phục vụ các nhân nên các em tốt nghiệp THCS đi làm việc. Một số em lười học do tiếp thu bài chậm, các phương pháp dạy học chưa phù hợp của giáo viên, quản lý điều hành đôi lúc chưa chủ động sáng tạo, chưa nắm bắt xử lý kịp thời.

Là địa phương có kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn chưa nhiều, mặt khác phụ huynh là đồng bào dân tộc kinh tế đủ sống làm nông, làm thuê sống hàng ngày nên nhà trường chưa thực hiện tốt xã hội hóa.

Là trường chuyên biệt các em là con em đồng bào dân tộc việc tiếp thu kiến thức, chủ động trong học tập chưa cao, ngoài ra một vài giáo viên chưa chủ động

sáng tạo, tìm tòi học hỏi đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng, công tác quản lý đôi lúc chưa sát thực tế, còn có lơ là trách nhiệm.

Đội ngũ nhà giáo đôi lúc chưa tâm huyết, chưa thấu hiểu vai trò nhiệm vụ trách nhiệm của trường chuyên biệt.

Nhà trường chưa có ngân sách để mua sắm bổ sung các thiết bị, cơ sở vật chất theo quy định.

Thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 29/5/2009 ra đời và tồn tại hơn 13 năm so với thực tế cuộc sống, kinh tế phát triển hiện nay sẽ có những khó khăn, bất cập khi thực hiện chế độ chính sách cho học sinh, đội ngũ nhân viên phục vụ cho học sinh.

V. KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Trung ương

Xây dựng vị trí việc làm đối với trường chuyên biệt quan tâm đối với nhân viên phục vụ.

Chế độ chính sách học bổng của học sinh cần quan tâm điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hiện nay đảm bảo cho các em đủ dinh dưỡng, cơ sở vật chất (Cần sửa đổi một số điều theo thông tư 109/2009/TTLT-BGDĐT-BTC đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh).

2. Đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh:

Quan tâm đầu tư các thiết bị dạy học đảm bảo chương trình GDPT 2018 quan tâm mua sắm ti vi thông minh để việc ứng dụng công nghệ thông tin mạnh trong dạy học và tu sửa mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho học sinh nội trú.

Cần quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI.

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”.

2. Tăng cường hơn nữa nề nếp kỷ cương nhà trường, xử lý nghiêm các học sinh vi phạm điều lệ trường phổ thông, nội quy nhà trường. Nâng cao một bước về vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh để tạo môi trường giáo dục thân thiện. Quản lý tốt học sinh trên lớp, tuyệt đối không để học sinh bỏ học vô lý do. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh, mỗi giáo viên đều có trách nhiệm giúp đỡ học sinh trong học tập và rèn luyện.

3. Phát huy tinh thần tự giác của mỗi cá nhân, mỗi giáo viên phải tự điều chỉnh các hoạt động của mình, tích cực hơn trong mọi công tác, nhiệt tình trong mọi hoạt động, hoàn thành các nhiệm vụ được giao một cách thực chất, có hiệu quả.

4. Tập trung tổ chức tốt các buổi sinh hoạt đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; thực hiện việc soạn giảng, tổ chức các hoạt động dạy học, dự giờ theo định hướng đổi mới. Giáo viên tăng cường việc sử dụng các thiết bị dạy học vào giảng dạy, phát huy tối đa các trang thiết bị cho việc nâng cao chất lượng hiệu quả giờ dạy. Phát động phong trào khắc phục, làm đồ dùng dạy học.

5. Các tổ, nhóm chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, giáo viên tích cực trong việc sinh hoạt trường học kết nối, nâng cao chất lượng dạy học. Tích cực viết bài, cung cấp dữ liệu cho nguồn học mở của nhà trường.

6. Tập trung cao độ, thực hiện tốt ôn tập và bồi dưỡng đội tuyển thi tuyển sinh 10 đạt kết quả cao nhất.

7. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cảnh quan môi trường và một số hạng mục thiết yếu khác phục vụ cho việc dạy và học. Tổ chức tốt đảm bảo cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

8. Tăng cường hơn nữa việc phối hợp với phụ huynh học sinh trong việc giáo dục con em; làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục; tích cực rà soát, tham mưu để có các nguồn hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, chuẩn bị tốt để xây dựng các kế hoạch huy động tài trợ cho năm học mới.

9. Công đoàn, Đoàn, đội, Hội chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra một cách có hiệu quả. Tất cả mọi hoạt động nhằm mục tiêu thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và học tập của học sinh.

10. Làm tốt các kế hoạch giáo dục của nhà trường trong đó quan tâm chế độ chính sách pháp luật đối với đội ngũ nhà giáo và học sinh.

Trên đây là báo cáo Giám sát chế độ chính sách, pháp luật của trường PTDTNT THCS Thuận Bắc giai đoạn 2018-2022./.

Nơi nhận:

- PGD (để báo cáo);
- Đoàn giám sát tỉnh;
- Lưu: VP.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Sáng

PHÒNG GD & ĐT THUẬN BẮC
TRƯỜNG PT DTNT THCS THUẬN BẮC



CHẤT LƯỢNG KẾT QUẢ 2 MẶT GIAI ĐOẠN 2018-2022

1/ Năm học 2018-2019

LỚP	Tổng Số		Hạng kiểm								Học lực									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
	HS	Lớp	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	70	2	69	98.6	1	1.4					6	8.6	22	31.4	41	58.6	1	1.4		
7	67	2	60	89.6	4	6.0	3	4.5			13	19.4	25	37.3	26	38.8	3	4.5		
8	69	2	65	94.2	4	5.8					8	11.6	27	39.1	33	30.1	1	1.5		
9	58	2	57	98.3	1	1.7					14	24.1	24	41.4	20	34.5				
Toàn cấp	264	8	251	95.1	10	3.8	3	1.1			41	15.5	98	37.1	120	45.5	5	1.9		

2/ Năm học 2019-2020

LỚP	Tổng Số		Hạng kiểm								Học lực									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
	HS	Lớp	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	69	2	58	84.1	11	15.9					10	14.5	36	52.2	21	30.4	2	2.9		
7	70	2	49	70.0	21	30.0					12	17.1	26	37.1	30	42.9	2	2.9		
8	59	2	48	81.4	10	16.9	1	1.7			14	23.7	20	33.9	24	30.1	1	2.1		
9	63	2	49	77.8	12	19.0	2	3.2			8	12.7	28	44.4	27	42.9				
Toàn cấp	261	8	204	78.2	54	20.7	3	1.1			44	16.9	110	42.1	102	39.1	5	1.9		

3/ Năm học 2020-2021

LỚP	Tổng Số		Hạng kiểm								Học lực									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
	HS	Lớp	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	69	2	66	95.7	3	4.3					12	17.4	38	55.1	19	27.5				
7	67	2	58	86.6	8	11.9	1	1.5			10	14.9	29	43.3	28	41.8				
8	70	2	64	91.4	6	8.6					6	8.6	37	52.9	27	38.6				
9	54	2	50	92.6	4	7.4					12	22.2	29	53.7	13	24.1				
Toàn cấp	260	8	238	91.5	21	8.1	1	0.4			40	15.4	133	51.2	87	33.5				

4/ Năm học 2021-2022

KHỐI	Tổng Số		Kết quả rèn luyện								Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	HS	Số Lớp	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	69	2	67	97.1	2	2.9					6	8.7	31	44.9	32	46.4	0	0.0

KHỐI	Tổng Số		Hạng kiểm								Học lực									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
	HS	Số Lớp	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
7	68	2	64	94.1	4	5.9					9	13.2	39	57.4	20	29.4		0.0		
8	67	2	63	94.0	4	6.0					11	16.4	38	56.7	17	25.4	1	1.5		
9	68	2	66	97.1	2	2.9					7	10.3	31	45.6	30	44.1		0.0		
Tổng	203	6	193	95.1	10	4.9					27	13.3	108	53.2	67	33.0	1	0.5		

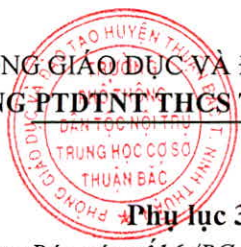
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THCS THUẬN BẮC

**PHỤ LỤC 2: ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG TỪ NĂM HỌC 2018-2019
ĐẾN NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-DTNT ngày 10/02/2023 của trường PTDTNT THCS Thuận Bắc)

TT	Nội dung	Trung học cơ sở						
		Tổng	Công lập					
			Số lượng	Thiếu		Thừa		
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Năm học 2018-2019	23	20	3	13,0			
2	Năm học 2019-2020	23	20	3	13,0			
3	Năm học 2020-2021	23	20	3	13,0			
4	Năm học 2021-2022	21	19	2	9,5			

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THCS THUẬN BẮC



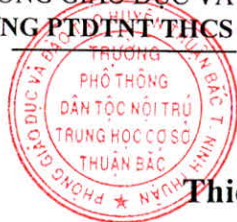
Phụ lục 3: Số liệu về cơ sở vật chất các cấp học phổ thông

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-DTNT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của trường PTDTNT THCS Thuận Bắc)

2. Trung học cơ sở

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số a=b+d+g+i	Kiên cố b	Bán kiên cố d	Tạm g	Nhờ, mượn, thuê i	
1	Khối phòng học tập	phòng	14	14				
	- Phòng học	phòng	8	8				
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng	8	8				
	+ Phòng học tại điểm trường	phòng	8	8				
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	1	1				
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	1	1				
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng	1	1				
	- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng	0	0				1
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng	2	2				
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	1				
	- Phòng đa chức năng	phòng	0	0				1
2	Khối phòng hỗ trợ học tập		4	4				
	- Thư viện	phòng	1	1				
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1				
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	0	0				
	- Phòng truyền thống	phòng	1	1				
	- Phòng Đoàn, Đội	phòng	1	1				
3	Khối hành chính quản trị		9	9				
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1				
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1				
	- Văn phòng	phòng	1	1				
	- Phòng bảo vệ	phòng	1	1				
	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	4	4				
	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	1	1				
4	Khối phụ trợ		34	34				
	- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên	phòng	1	1				
	- Phòng các tổ chuyên môn	phòng	0	0				1
	- Phòng Y tế học đường	phòng	1	1				
	- Nhà kho	nhà	0	0				1
	- Khu để xe học sinh	khu	0	0				
	- Khu vệ sinh học sinh	khu	31	31				

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	
			$a=b+d+g+i$	b	d	g	i	
	- Công, hàng rào	hạng mục	1	1				
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao		2	2				
	- Sân chơi chung	sân	1	1				
	- Sân thể dục thể thao	sân	1	1				
6	Khối phục vụ sinh hoạt							
	- Nhà bếp	nhà	1	1				
	- Kho bếp	kho	1	1				
	- Nhà ăn	nhà	1	1				
	- Nhà ở nội trú học sinh	nhà	31	31				
	- Phòng quản lý học sinh	phòng	0	0				1
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng	0	0				
7	Hạng mục khác							
	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	0	0				1
	- Phòng nghi giáo viên	phòng	5	5				
	- Phòng giáo viên	phòng	0	0				
	- Nhà đa năng	nhà	1	1				
	- Nhà văn hóa	nhà	0	0				



Phụ lục 4

Thiết bị dạy học cơ sở giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2018-2019 đến năm 2021-2022

STT	Nội dung	Năm học 2018-2019				Năm học 2019-2020				Năm học 2020-2021				Năm học 2021-2022			
		Tổng số	THCS			Tổng số	THCS			Tổng số	THCS			Tổng số	THCS		
			Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)
7	DTNT THCS Thuận Bắc	19	19	5	79,2	19	19	5	79,2	19	19	5	79,2	19	34	2	94,4

PHÒNG GD-ĐT THUẬN BẮC
TRƯỜNG PTĐTNT THCS THUẬN BẮC

KẾT QUẢ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN NĂM HỌC 2018-2019 ĐẾN 2021-2022

STT	Nội dung	Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Danh hiệu thi đua								
	- <i>Tập thể</i>								
	Tập thể LĐXS	x		x		x		x	
	Cờ thi đua Bộ GDĐT					x			
	Bảng khen Bộ GDĐT			x		x			
	Bảng khen Chủ tịch UBND tỉnh	x				x			
	Cờ thi đua UBND tỉnh							x	
	- <i>Cá nhân</i>								
	Bảng khen Bộ GDĐT			2		1			
	CSTD cơ sở	6		10		6		5	
LĐTT	31		24		23		22		
2	Tốt nghiệp THCS	58	100%	63	100%	54	100%	68	100%
3	Học sinh ra lớp	264/266	99,2%	261/269	97,0%	260/263	98,9%	272/275	98,9%
4	Thi vào trường DTNT tỉnh								
	Dự tuyển	45		44		36		44	
	Trúng tuyển	34	76%	34	77%	29	81%	37	84%
5	Học sinh lên lớp sau khi rèn luyện	264	100%	261	100%	260	100%	272	100%